

NGÔN NGỮ NAM BỘ TRONG TRUYỆN NGẮN TRẦN KIM TRẮC

Đặng Văn Vũ⁽¹⁾, Trần Thị Thanh Nhàn⁽²⁾

(1) Trường Đại học Sài Gòn; (2) Trường THPT Võ Thị Sáu, TP. Hồ Chí Minh
Ngày nhận bài 25/9/2022; Ngày phản biện 28/9/2022; Chấp nhận đăng 26/10/2022
Liên hệ Email: dvvu@sgu.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2022.06.354>

Tóm tắt

Trần Kim Trắc là nhà văn nổi bật của văn học Nam Bộ. Ông viết nhiều thể loại, nhưng thành công nhất là truyện ngắn. Truyện ngắn Trần Kim Trắc bao quát một không gian văn hóa từ Bắc đến Nam, nhưng không gian Nam Bộ là cơ bản nhất. Vì thế, truyện ngắn của ông làm hiện lên nhiều phương diện văn hóa Nam Bộ, trong đó có ngôn ngữ. Ngôn ngữ Nam Bộ trong truyện ngắn Trần Kim Trắc nổi bật ở phương diện từ địa phương sông nước và khẩu ngữ mang đậm dấu ấn con người bậc trực, chân thành.

Từ khóa: Nam Bộ, ngôn ngữ, sông nước, Trần Kim Trắc, văn hóa

Abstract

SOUTHERN LANGUAGE IN TRAN KIM TRAC'S SHORT STORY

Tran Kim Trac is an outstanding writer of Southern Vietnamese literature. He writes many literary genres, but the most successful one is the short story. Tran Kim Trac's short stories cover a cultural space from Northern Vietnam to Southern Vietnam, but Southern Vietnamese space is the most fundamental. Therefore, his short stories reveal many aspects of Southern Vietnamese culture, including language. Southern Vietnamese language in Tran Kim Trac's short stories is outstanding in terms of local language in the river region and conversational language with the imprints of honest and sincere people.

1. Đặt vấn đề

Cùng với những cây bút làm nên “thương hiệu” của văn chương phương Nam như Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Trang Thế Hy, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng..., Trần Kim Trắc (1929-2018) có nhiều đóng góp cho văn chương Nam Bộ, mặc dù sự nghiệp sáng tác của ông không được liên tục. Bắt đầu sáng tác từ khi 25 tuổi, sau đó ông vắng bóng một thời gian dài, đến 40 năm sau mới trở lại văn đàn. Số phận thăng trầm của nhà văn là dấu hỏi lớn cho những nhà nghiên cứu văn học cũng như những độc giả yêu mến tác phẩm của ông. Ông có gần 200 truyện ngắn được viết lúc tuổi già. Ông để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người đọc bằng những tác phẩm không chỉ mang giá trị nhân văn cao đẹp, ca ngợi vẻ đẹp tính cách và tâm hồn con người mà còn mang nét đặc sắc văn hóa Nam Bộ.

Ngôn ngữ trong tác phẩm văn học chính “là chất liệu, là phương tiện mang tính đặc trưng của văn học”. Nền tảng của ngôn từ văn học chính là ngôn ngữ đời sống của nhân dân kết hợp với sự sáng tạo của nhà văn. Bởi vậy, nhà văn phải bám vào văn hóa ngôn ngữ của hiện thực cuộc sống, ngôn ngữ hàng ngày với lời ăn tiếng nói của mọi người... được chất lọc qua lăng kính của nhà văn.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Ngôn ngữ là chất liệu của văn học. Vốn ngôn ngữ của một nhà văn xuất phát từ vốn từ vựng dân tộc, đồng thời cũng chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ địa phương, nơi nhà văn sinh sống. Tác phẩm văn học, ngoài việc phản ánh tinh thần dân tộc, nó cũng phản ánh bản sắc văn hóa của địa phương, nơi câu chuyện hoặc cảm xúc trỗi dậy sinh. Một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc tạo dựng bản sắc văn hóa cho tác phẩm chính là ngôn ngữ. Trần Kim Trắc là người con của vùng đất Phương Nam nên truyện ngắn của ông luôn đậm đà bản sắc văn hóa miền sông nước Cửu Long.

Từ cơ sở lý luận trên, chúng tôi vận dụng phối hợp các phương pháp sau:

- Phương pháp văn hóa - xã hội: vận dụng phương pháp này để tìm hiểu cơ sở văn hóa xã hội của ngôn ngữ mà Trần Kim Trắc Sử dụng trong tác phẩm để xác định tính chân thật lịch sử của nó.
- Phương pháp thống kê: dùng để xác định tần số xuất hiện của ngôn ngữ trong tác phẩm để từ đó kết luận được đặc điểm ngôn ngữ vùng của nhà văn.
- Thao tác phân tích - tổng hợp: đây là thao tác cơ bản của bài viết. Phân tích từng yếu tố ngôn ngữ, sau đó tổng hợp để rút ra đặc điểm ngôn ngữ Nam Bộ trong truyện ngắn của Trần Kim Trắc.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Phương ngữ miền sông nước

Địa lý nước ta hình chữ S trải dài từ Bắc đến Nam, chia thành nhiều vùng khí hậu khác nhau, theo đó tiếng nói cũng khác nhau. Sự khác nhau rõ nhất là âm sắc khi phát ra, sau đó là hệ thống từ ngữ địa phương mang đậm dấu ấn văn hóa mỗi vùng miền. Nhà văn sống trong vùng văn hóa ngôn ngữ nào, tất nhiên, chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ vùng ấy. Bản sắc văn hóa luôn đậm nét trong văn học. Trong rất nhiều dấu ấn văn hóa, thì văn hóa ngôn ngữ luôn là yếu tố hàng đầu, nó có trách nhiệm “gánh vác” việc thể hiện “màu sắc” của từng yếu tố trong hệ thống văn hóa được biểu hiện trong tác phẩm.

Là nhà văn “rất chất Nam Bộ”, Trần Kim Trắc rất có ý thức trong việc sử dụng ngôn ngữ của vùng sông nước nhằm biểu hiện một cách độc đáo nhất tư tưởng nghệ thuật của mình. Từ ngôn ngữ đời sống, nhà văn chọn lựa để đưa vào tác phẩm thành ngôn từ văn học.

Thành công của một tác phẩm văn học trước hết là sự thể hiện được bản sắc tự nhiên, văn hóa đời sống nơi câu chuyện xảy ra. Để tạo nên tính chân thực hiện thực, từ

ngôn ngữ tác giả đến ngôn ngữ nhân vật đều phải gắn chặt với văn hóa ngôn ngữ địa phương. Từ địa phương (phương ngữ) Nam Bộ, là một điểm nổi bật làm nên phong cách nghệ thuật của Trần Kim Trắc.

Dù đi đâu, làm gì thì mỗi con người chúng ta không thể quên được tiếng nói của người thân từ thuở ấu thơ, cho nên vốn từ ngữ địa phương luôn là nền móng cho tòa nhà ngôn ngữ của mỗi người. Trần Kim Trắc chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa ngôn ngữ của vùng miền Tây sông nước, nên dù bối cảnh sáng tác ở vùng miền nào đi chăng nữa, ông cũng luôn “bật ra” những phương ngữ quê mình. Đó là những từ ngữ chỉ cần nghe thôi đã biết họ ở vùng quê nào.

Khi đọc một tác phẩm văn học, một điều làm nên sự thú vị đó là người đọc biết thêm những từ ngữ mà vùng quê mình không có, hoặc có nhưng bằng một từ đồng nghĩa khác, và nhờ thế người ta có được vốn từ phong phú. Từ địa phương là một trong những yếu tố khiến người đọc yêu mến Trần Kim Trắc, vì nhờ thế mà độc giả cảm thấy văn của ông gần gũi, thân thương.

Thành công của một nhà văn, về phương diện ngôn ngữ, là phát ngôn phù hợp với danh phận của nhân vật. Không thể để vào miệng một anh nông dân những từ ngữ quá cao siêu, không thể để một anh thô lỗ nói những câu nhã nhặn, không thể để một anh khôn ngoan nói những câu khờ khạo, trừ khi họ đang đeo mặt nạ... Nàng Mimo (Chuyện nàng Mimo) là một cô gái có trình độ và nhan sắc. Tính cách của cô khá mạnh mẽ, điều đó thể hiện trong hành động và cả ngôn ngữ. Khi hỏi về tình yêu, cô nói: “*Tình yêu là **ưng** phải không bác? Vừa bụng thấy là **ưng** liền đâu có đợi **xét nét** này nọ*” (Nguyễn Văn Trung, 2018). “*Ôi sao tôi **ưng bụng** con bé này quá!*” (Nguyễn Văn Trung, 2018). Người Nam Bộ dùng từ “thương” để thay cho từ “yêu”, nàng Mimo dùng từ “ưng” thay cho từ “thích, quý, mến”. Cũng như từ “thương” nó bao hàm cả yêu và thương, từ “ưng” nó bao quát được cả thích, quý, mến. Một từ đơn giản, gần gũi thôi mà sức biểu đạt của nó khá cao, và nó cũng in đậm sắc thái địa phương.

Ở Nam Bộ, người ta dùng khá phổ biến từ “cưng”. Cưng là một tính từ có nghĩa là dễ thương, yêu thích, nâng niu. Nhiều khi người ta dùng từ cưng để làm đại từ thay thế cho con, em, anh, chị; dạng như “Cưng ơi, lại chị nói cái này”, “Đi đâu đó cưng?” v.v... Âm thanh của từ “cưng” tạo sự gần gũi, mến thương, dấu ái nên càng ngày càng có sức lan tỏa đến địa phương khác. Là một nhà văn Nam Bộ, Trần Kim Trắc rất nhiều lần sử dụng từ này trong truyện ngắn của mình, như trong truyện Chuyện nàng Mimo: “*Cháu có! Một **cục cưng** giỏi, hiền lành và rất **bô trai***” (Nguyễn Văn Trung, 2018). “Bô trai” cũng là từ địa phương dùng để chỉ một đứa bé đẹp, khỏe mạnh, cao lớn so với lứa tuổi.

Ngoài những tính từ thể hiện tính chất của người Nam Bộ, hệ thống động từ cũng được nhà văn sử dụng hiệu quả, đặc biệt là những từ láy chỉ hành động. Trong truyện ngắn của Trần Kim Trắc, từ láy chỉ hành động xuất hiện rất nhiều. Đặc biệt là hệ thống từ láy chỉ có ở Nam Bộ. Để chỉ không khí ồn ào, người Nam Bộ không nói “ồn quá” hay “rùm beng” như người Trung hay Bắc, mà họ dùng từ “chộn rộn”. Trong truyện ngắn *Đi ba về bốn*, bà Bảy là người phụ nữ nhân hậu, sẵn sàng giúp đỡ người khác ngay cả khi người ấy thuộc

“phe kẻ thù” gặp nạn: “*Bây làm gì mà **chộn rộn** vậy? Có chịu ngồi yên không. Để nó đổ cho tao lo*” (Trần Kim Trắc, 2015a). Từ “chộn rộn” hàm ý trách yêu, nó thể hiện được sự thân thiện cũng như ý thức trách nhiệm của người nói cho nên âm thanh của nó phát ra nghe “mát lòng mát dạ”, dù là lời trách. Cách dùng từ láy như thế được Trần Kim Trắc sử dụng khá nhiều: “*Này! bà chị thân yêu! Chị phải lo cho sức khỏe mai sau của chị, chứ tôi thấy chị **lu bu** suốt ngày, nhà cửa rộng thế này, chị không đau lưng sao?*”, “*Chị may mắn thật, ánh giới làm ăn, có bản lĩnh, năng nổ hơn nhà em, giá bà chị có đứa cháu gái nữa, đến lúc về già, nó **hủ hủ** ở nhà với mình, đau ốm có đứa nó xoa bóp đấm lưng thì chị toàn phúc toàn mỹ*” (Nguyễn Văn Trung, 2018), “*Bà Tư ó vô láy **thơm chùn chụt** lên làn da mát rượi*” (Nguyễn Văn Trung, 2018). V.v... Từ láy chỉ những động tác ấy được Trần Kim Trắc sử dụng rất đúng lúc, đúng chỗ làm cho truyện của ông gần gũi với đời sống của người bình dân Nam Bộ. Đó là lý do quan trọng để người đọc yêu mến truyện của ông.

Một điều cũng rất ấn tượng và độc đáo trong ngôn ngữ truyện ngắn của Trần Kim Trắc là khả năng vận dụng một cách sáng tạo nhằm biến ngôn ngữ “đời thường” của người bình dân thành ngôn ngữ văn học. Mặc dù ngôn ngữ trong các tác phẩm của ông, từ ngôn ngữ của người trần thuật đến ngôn ngữ của nhân vật trong truyện phần nhiều là “ngôn ngữ” của người dân sinh sống ở thôn quê, ruộng vườn chứ không phải là “ngôn ngữ” của người dân sinh sống ở thành thị. Có thể thấy, đa phần đối tượng mà Trần Kim Trắc phản ánh trong truyện ngắn của mình đều là những người dân sống ở thôn quê. Chính vì thế, dễ dàng nhận thấy, cách diễn đạt, cách thể hiện của ông nhiều khi nô nê, mộc mạc, hóm hỉnh nên cũng rất dễ đọc, dễ hiểu và dễ cảm. Những cách nói vừa ấn tượng, vừa độc đáo, vừa giàu tính hình tượng cụ thể, giàu hình ảnh và giàu chất hài, nhưng lại rất gần gũi xuất hiện rất nhiều trong tác phẩm:

- *Tư ó đáp, để rồi xem Nhất sĩ, nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ. Bữa nào có rảnh rồi, các **cha** lên **trển** chơi với tôi*”. (Trần Kim Trắc, 2015a)

- “*Bữa nay chị cao hứng gì vậy? Tuổi này rồi còn **mang trống**, không sợ phở phờ cười cho ư?*” (Trần Kim Trắc, 2015a)

- “*Đang khóc lóc với nhà tôi ở **bển**...*” (Trần Kim Trắc, 2015a)

- “*Mà Quyên hay là Phụng cũng là chim cả thôi! Mấy người thâm đểu lắm! Dám **toa rập** nhau đối gạt tôi*”. (Trần Kim Trắc, 2015a)

- “***Đừng hòng** tôi tha thứ cho **cái tật** của ông!*” (Trần Kim Trắc, 2015a)

- “*Cái này tôi học kiểu làm ăn của **tía** tôi, ông bảo tôi đi hót **cá rông rông** đổ vào ruộng nhà để sau này **tút đũa** bắt cá lóc*”. (Trần Kim Trắc, 2015c)

Có thể nói, chính thói quen sử dụng từ ngữ như trên làm cho ngôn ngữ trong các tác phẩm của Trần Kim Trắc gần với ngôn ngữ hàng ngày của người dân nông thôn vùng Nam Bộ. Điều này góp phần tạo nên một văn phong trong sáng, giản dị và có phần nào đó nô nê, mộc mạc, chân chất nhưng vẫn tạo được một hiệu quả cảm xúc và thẩm mỹ rất cao. Điều đó giúp người đọc dễ dàng nhận ra văn phong của ông.

Ở mỗi địa phương, mỗi miền có cách nói khác nhau, thậm chí có cả từ vựng khác nhau. Chính cái khác nhau của ngữ âm và từ vựng “đặc sản” làm nên tính chất đặc biệt

của con người ở vùng miền đó. Cũng như người Nam Bộ, ngôn ngữ Nam Bộ rất chân quê, giản dị, nhưng lại cực kỳ phong phú, đa dạng. Nhà văn đã đưa những sắc thái ngôn ngữ thường nhật của người Nam Bộ vào trong lời nói các nhân vật. Thông qua đó được ta nhận ra được tính cách, tâm lý ứng xử của người Nam Bộ. Trần Kim Trắc đã “chuyển tải” thành công “chất Nam Bộ” qua ngôn ngữ trong sáng tác của mình. Ví dụ:

- Mỗi năm **bậy bậy** cũng thêm được vài chục con nghé. (Bộ âm chén bằng đất nung).

- “Bà nhìn tôi **trần trần**, ngờ ngợ một lúc rồi vui mừng: **Mèn ơi!** (Trần Kim Trắc, 2015c).

- Bà Tư chủ nhà đang loay hoay dưới bếp tay cầm đôi đũa gấp than, **bươn bả** chạy lên nhìn đồng giấy vụn rồi **quày quã** trở xuống bếp không nói tiếng gì” (Trần Kim Trắc, 2015c).

- Tao làm cực nhọc tao mua, tao sắm thì tao có quyền tiếc, bay còn **sửa mủ mẩn** (dạy khôn) nữa há???

- Có buồn thì **đặt trúm** cắm câu, trông nom gà vịt, đợi mấy ảnh về sẽ tính”. (Trần Kim Trắc, 2015a).

- Không dám nào, **hỏi khí không phải**, dĩa xiêm có bán không? (Trần Kim Trắc, 2015a).

- Vừa rồi **hất bọ xít**, sao giờ ngọt ngào đến vậy? (Trần Kim Trắc, 2015b).

Là một người con của miền sông nước Nam Bộ, Trần Kim Trắc sử dụng rất nhiều và hiệu quả từ địa phương. Tuy nhiên, do có một thời gian dài sống ở miền Bắc nên cũng chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ miền Bắc. Và có lẽ do vô tình nên nhiều khi ông sử dụng phương ngữ không phù hợp. Chẳng hạn, câu chuyện xảy ra ở miền Bắc, nhưng ông lại sử dụng từ miền Nam; và ngược lại. Ví dụ, trong truyện ngắn *Chấp nhận*, tác giả kể về một gia đình ở Đồng Tháp, các nhân vật đều dùng rất từ miền Nam, nhưng nhân vật má Hai lại nói: “Mồ tổ cha cái **con nỡm** ! Tao đẻ ra mày có bao nhiêu cái khôn của tao mày lấy hết” (Trần Kim Trắc, 2015a). “Mồ tổ cha” đích thị là ngôn ngữ Nam Bộ, “con nỡm” là ngôn ngữ Bắc Bộ. Sự kết hợp này là không phù hợp nên nó gây sự hụt hẫng nơi người đọc. Cũng như vậy câu nói sau của nhân vật Mimo trong truyện *Chuyện nàng Mimo* có những từ mà chỉ người Bắc, Trung mới hay dùng: “*Vậy hả bác? Lâu nay cháu chưa được gặp đối tượng nào để **rửa óc** cho hả nên **ngứa miệng** lắm* (Nguyễn Văn Trung, 2018). Đây là những hạn chế về sử dụng phương ngữ của nhà văn. Tuy nhiên, các kết hợp từ trái khoáy như vậy xuất hiện không nhiều.

Bên cạnh phương ngữ, Trần Kim Trắc cũng đưa rất nhiều ngôn ngữ nói của người Nam Bộ và tác phẩm của mình.

3.2 Khẩu ngữ mang đậm dấu ấn con người bậc trực, chân thành

Nếu như ngôn ngữ thơ hạn chế tối đa việc sử dụng khẩu ngữ, thì ngôn ngữ văn xuôi thì có thể thoải mái sử dụng loại ngôn ngữ này. Khẩu ngữ là ngôn ngữ tồn tại chủ yếu ở phương diện âm thanh, khác với ngôn ngữ tồn tại trên phương diện chữ viết. Bởi vậy có

nhiều từ khi phát âm thì nghe hiểu nhưng lại không có chữ viết ghi đúng âm ấy. Muốn ghi âm, người ta phải dùng các ký tự sáng tạo.

Việc sử dụng khẩu ngữ là một điều cần thiết trong sự tái hiện chân thật đời sống nhằm toát lên không khí văn hóa của truyện. Một đặc điểm của các nhà văn Nam Bộ là họ sử dụng khá nhiều khẩu ngữ trong tác phẩm của mình. Khảo sát các nhà văn Hồ Biểu Chánh, Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Quang Sáng, Đoàn Giỏi, Nguyễn Ngọc Tư... chúng ta sẽ thấy điều đó. Trần Kim Trắc cũng không ngoại lệ. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy rằng, có hơn 90% truyện ngắn của ông có sử dụng khẩu ngữ. Đặc biệt, những truyện có bối cảnh ở nông thôn Nam Bộ thì hầu như truyện nào cũng có khẩu ngữ.

Văn của Trần Kim Trắc thiên về thuật sự. Tính chân thật của câu chuyện luôn được đặt lên hàng đầu. Theo sự thống kê của chúng tôi, có đến mười hai lần tác giả dùng cụm từ “người viết bài này đã...” để minh định tính sự thật của câu chuyện. Tiêu chí ấy là cơ sở để tác giả dùng nhiều khẩu ngữ.

Trước hết là những từ cảm thán kết hợp trợ từ. Đặc điểm trong cách nói của người Nam Bộ là thường xuyên sử dụng sự kết hợp này:

- Còn một cái flash anh Tư Giản bấm đúng "nụ hôn": "Khà! Khà! Mấy bô ở trên trời **quá đã**, bô này còn đã hơn!...". (Trần Kim Trắc, 2015a).

- Chà chà! **Gay dữ ha**. (Trần Kim Trắc, 2015c).

- Nhân dịp xuân về ghi lại đây để bạn đọc...**cười chút chơi**” (Trần Kim Trắc, 2015c).

- Chị bảo **đèo bông** thêm cái của nợ ấy, nhờ có con thì **đứt bóng**...” (Trần Kim Trắc, 2015c).

- Chuyện gì trên chuồng chim miễn nói, nhưng mà **quá đã**” (Trần Kim Trắc, 2015c).

- Hàng trăm nhà như thế, mỗi nhà tám mươi thước đất mặt tiền, còn sâu vào trong sục tới đâu làm tới đó, đất rừng **thiếu cha gì!** (Trần Kim Trắc, 2015a).

- Khá lắm! Dân Sài Gòn về quê làm ăn **coi được lắm**. (Trần Kim Trắc, 2015a).

Những từ ngữ như *quá đã*, *dữ ha*, *chút chơi*, *đứt bóng*, *thiếu cha gì*, *coi được lắm*... đã thể hiện sinh động văn hóa ngôn ngữ nói của những người thôn quê miền sông nước, góp phần làm nên tính chân thật sinh động của câu chuyện.

Đất nước ta, mỗi vùng có một cách nói rất riêng trong quá trình giao tiếp. Bên cạnh từ cảm thán và trợ từ, đọc các tác phẩm của Trần Kim Trắc, người đọc dễ dàng nhận ra một hệ thống từ biến âm thể hiện rõ đặc trưng ngôn ngữ của người dân vùng Tây Nam Bộ so với người dân ở các vùng miền khác như:

- **Hồi năm**, vợ chồng tôi gả con nhỏ lớn về bên anh chị suôi gia cũng có chuyện rắc rối. (Trần Kim Trắc, 2015b).

- "Hai nghe lời ba! Nghe lời, con vô gói quần, áo đi với ba qua xin lỗi anh chị ở **bển**!". (Trần Kim Trắc, 2015b).

- “*Thôi anh em ơi, đừng có nghe **bả, bả** sắp nói xấu tôi rồi đó*” (Trần Kim Trắc, 2015c).

Và rất nhiều từ biến âm kiểu Nam Bộ như vậy: *ông (ông ấy), bả (bà ấy), ảnh (anh ấy), chỉ (chị ấy), biểu (bảo), bệnh (bệnh), sanh (sinh), gởi (gửi), kinh (kênh), ác nhon (ác nhân), bộ rầy (rày), chớ (chứ), chun (chân),...* Hệ thống từ biến âm này được lặp lại khá thường xuyên trong ý thức sử dụng ngôn ngữ của Trần Kim Trắc góp phần làm cho ngôn ngữ trong các tác phẩm của ông đậm đà chất Nam Bộ.

Khi diễn đạt sức khỏe tình dục đã cạn, người ta nói “còn non nước gì nữa”: “*Tiếc quá! Bây giờ già cả rồi, **còn non nước** gì nữa*” (Trần Kim Trắc, 2015c). Người Nam Bộ dùng từ “dần” để thay cho từ “đánh”: “*Cha tôi **dần cho một trận**/ cái tính trái gió trở trời*” (Trần Kim Trắc, 2015b). Từ “dần” khác với từ “đánh” ở chỗ là đánh rất nhiều và rất đau. Tương tự như vậy, Trần Kim Trắc sử dụng dày đặc khẩu ngữ không chỉ làm nổi bật tính chân thật và sắc thái địa phương, mà còn làm tăng khả năng biểu hiện của nó:

- *Ở đâu hiện tới vậy **ông nội** ?* (Trần Kim Trắc, 2015c).

- *Ba Nhiều vẫn giữ **y xì bản chất** Nam Bộ* (Trần Kim Trắc, 2015c).

- *Cái bệnh “công thức” lại **rọ ray** trong đầu người viết truyện này.* (Trần Kim Trắc, 2015c).

- ***Trưa trờ trưa trệt** mới lù lù về. Nhà cửa **sân sướng** em quét dọn sạch sẽ rồi, **mắc mớ** gì đi lấy chổi ra sân **quét xanh xạch**.* (Trần Kim Trắc, 2015c).

- *Nhờ vậy, đến lúc đó tôi mới biết rằng bà đã **chịu đèn***” (Trần Kim Trắc, 2015c).

- *Hừ! Có **dê** người ta trước mắt thiên hạ ngay trên sân khấu thì có.* (Trần Kim Trắc, 2015c).

- *Chúng em còn đang đi học, **đèo** thêm cái chuyện nhớ nhung, hẹn hò, giải thích, đả thông, an ủi đã **mệt muốn đứt hơi** rồi. Chị bảo **đèo bòng** thêm cái của nợ ấy, nhờ có con thì **đứt bóng**...*” (Trần Kim Trắc, 2015c).

- *Bà nói thật đấy! Mày hơn khối đứa! **Chơi cho đã** mang thai sinh ra rồi vứt bỏ con*”. (Trần Kim Trắc, 2015c).

- *Chuyện người nhà **dũa** (chửi) cho, xin miễn nói*”. (Trần Kim Trắc, 2015c).

- *Lâu lâu **rừng mỡ** rủ nhau ra vườn.* (Trần Kim Trắc, 2015b).

- *Ba đại đội gần bốn trăm thằng, **ngoẻo hết tron**.* (Trần Kim Trắc, 2015a).

Trước nhà người người xúm đông xúm đỏ. (Trần Kim Trắc, 2015a).

Những từ ngữ như *ông nội, y xì, rọ ray, trưa trờ trưa trệt, sân sướng, quét xanh xạch, chịu đèn, dê, mệt muốn đứt hơi, đèo bòng, đứt bóng...* cho thấy tính sinh động trong ngôn ngữ nói của người Nam Bộ. Khi đưa vào truyện ngắn, nó cũng làm tăng tính sinh động cho câu chuyện.

Một điều nổi bật trong khẩu ngữ của người Nam Bộ là họ sử dụng dày đặc các từ láy các loại. Và nó cũng rất nổi bật trong truyện của Trần Kim Trắc:

- *Không lo học, chỉ lo **đủ đốn**. Rước thứ gái **lãng nhăng** về để thờ cho nó phá hoại gia cang ư? Rồi **tùm lum** đủ thứ, chê cũng như đọc sách mà ghét tác giả trước rồi làm sao biết sách hay?* (Trần Kim Trắc, 2015c).

- *Ba ngày tết, đôi đầu mà **tương tươp**.* (Trần Kim Trắc, 2015b).

- *Tiền bạc **nhằm nhò** gì ba cái **lẽ tẻ**.* (Trần Kim Trắc, 2015c).

- *Tôi có ngờ đâu **cái miệng ăn mắm ăn muối** của anh Ba nói **bô lô ba la** vậy thôi, sau này lại đúng sự thực.* (Trần Kim Trắc, 2015b).

- *Người đầu mà **hay lắm hay lắm**.* (Trần Kim Trắc, 2015b) v.v...

Người đọc gọi Trần Kim Trắc là nhà văn “lí lắc Nam Bộ” có lẽ xuất phát từ tính cách hài hước, đơn giản của ông. Đó cũng là tính cách nổi bật của người Nam Bộ. Điều đó đã tạo nên cách nói của họ là hay dùng từ láy để hài hước hóa, đơn giản hóa vấn đề, giảm tính suy luận.

4. Kết luận

Mỗi nhà văn đem đến cho người một bức tranh đời sống. Bức tranh ấy được vẽ nên từ những vấn đề nổi bật của hiện thực đời sống, từ vốn sống và quan điểm tư tưởng triết học, thẩm mỹ của nhà văn... Tiếp xúc với truyện ngắn của Trần Kim Trắc, một mặt người đọc nhận thức được nhiều phương diện của hiện thực đời sống; trong đó nổi bật là phương diện ngôn ngữ Nam Bộ.

Ngôn ngữ có đời sống của nó, nó không ngừng được hình thành và phát triển từ chính cuộc sống cộng đồng của nhân dân. Ngôn ngữ sinh động nhất chính là lời ăn tiếng nói hàng ngày của người dân. Nam Bộ với những đặc trưng riêng của một vùng đất, đã tạo ra một truyền thống ngôn ngữ rất năng động, rất phong phú và rất trẻ. Gắn bó mật thiết với đời sống nhân dân Nam Bộ, Trần Kim Trắc đã đưa ngôn ngữ ấy vào tác phẩm một cách tự nhiên, sinh động làm cho truyện ngắn của ông thực sự gần gũi với nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ca Văn Thỉnh (2022). *Di sản văn hóa Nam Bộ nhìn từ lịch sử Nam Bộ*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [2] Hồ Xuân Mai (2015). *Ngôn ngữ văn hóa Nam Bộ*. NXB Chính trị quốc gia.
- [3] Nguyễn Văn Trung (2015). *Hồ sơ lục châu học*. NXB Trẻ.
- [4] Nguyễn Văn Trung (2018). *Lược khảo văn học* (3 tập). NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Trần Kim Trắc (2015a). *Ông thối, bà thiêu* (Tập truyện ngắn). NXB Trẻ.
- [6] Trần Kim Trắc (2015b). *Chuyện riêng tư chốn sơn trang* (Tập truyện ngắn). NXB Trẻ.
- [7] Trần Kim Trắc (2015c). *Khúc hát trái tim gà* (Tập truyện ngắn). NXB Trẻ.
- [8] Trần Thị Ngọc Lang (1995). *Phương ngữ Nam Bộ*. NXB Khoa học Xã hội.